

THỜI KHÓA BIỂU
HỌC KỲ I NĂM HỌC 2023-2024 (Điều chỉnh ngày 26/10/2023)
Thực hiện từ ngày 30/10/2023

1. Quy định về thời gian giảng dạy

a) Đối với môn học thực hành (1 giờ = 60 phút)

Giờ	Thời gian	Số giờ
1 - 2	7g00' - 9g00'	2
3 - 4	9g15' - 11g15'	2
7 - 8	13g00' - 15g00'	2
9 - 10	15g15' - 17g15'	2
11 - 13	18g00' - 21g00'	3

b) Đối với môn học lý thuyết (1 giờ = 45 phút)

Giờ	Thời gian	Số giờ
1 - 2	7g00' - 8g30'	2
3 - 5	8g45' - 11g00'	3
7 - 8	13g00' - 14g30'	2
9 - 11	14g45' - 17g00'	3
11 - 12	18g00' - 19g30'	2
13 - 14	19g45' - 21g15'	2

- Thời gian bắt đầu học kỳ: Từ ngày 05/9/2023;
- Thời gian kết thúc giảng dạy - học tập: 23/12/2023
- Thời gian thi kết thúc môn học: Từ ngày 25/12/2023 đến 6/01/2024
- Đối với các môn học: Thanh nhạc, Organ, Guitare, Piano, Violon, Đệm hát Khoa Âm nhạc và Múa lập danh sách chia nhóm học sinh, sinh viên dựa trên thời khóa biểu chung để phân công lịch giảng dạy/hướng dẫn gửi về Phòng Đào tạo, Nghiên cứu khoa học và Bảo đảm chất lượng để giám sát.

2. Thời khóa biểu

LỚP	MÔN HỌC	THỨ 2	F.	THỨ 3	F.	THỨ 4	F.	THỨ 5	F.	THỨ 6	F.	THỨ 7	F.	GV GIẢNG DẠY	TC	SỐ GIỜ	GIỜ/TUẦN
Cao đẳng	Kỹ năng mềm											7-10	1	Nguyễn Thị Thắm	3	60	4
Thanh nhạc K.21	Phân tích tác phẩm âm nhạc									7-10	6			Bùi Quốc Trí	3	60	4
(5 sv)	Thực hành biểu diễn nhạc nhẹ 1			1-4	11									Nguyễn Thị Ngọc Trâm	2	60	4
	Âm nhạc dân gian Tây Nguyên 1									1-2	3			Hoàng Thị Nam Phương	2	30	2
Cao đẳng	Kỹ năng mềm					7-10	3							Lê Tô Đỗ Quyên	3	60	4
QLVH K.21	Xây dựng đời sống văn hóa			1-3	4									Hồ Thị Thảo	3	45	3
(5 sv)	Tiếng anh chuyên ngành					1-3	7							Nguyễn Thị Anh Đào	2	45	3
	Quản lý dự án văn hóa nghệ thuật	1-3	10											Đỗ Thị Mỹ Hội	2	45	3
	Quản lý hoạt động dịch vụ văn hóa									1-3	7			Trần Thị Tuyết	2	45	3
	Quản lý Nhà văn hóa - Câu lạc bộ		7-10	3										Mai Thị Kim Huệ	4	60	4
	Các ngành công nghiệp văn hóa									7-9	2			Lý Văn Linh Niê Kđăm	2	45	3
	Quản lý Bảo tàng							9-10	4					Lương Thị Vân	2	30	2
Trung cấp	Kỹ năng mềm							1-2	3					Lê Tô Đỗ Quyên	2	30	2
Thanh nhạc K.21	Hình thức âm nhạc	1-4	1											Nguyễn Đức Công	3	60	4
(13 hs)	Thực hành biểu diễn nhạc nhẹ 2(2 nhóm)									1-4	7-10	10		Nguyễn Thị Ngọc Trâm	2	120	8
	Kỹ thuật diễn viên					1-4	12							Lê Thị Thanh Hương	2	60	4
	Âm nhạc dân gian Tây Nguyên 1							3-4	10					Hoàng Thị Nam Phương	2	30	4
Trung cấp	Kỹ năng mềm							3-4	3					Lê Tô Đỗ Quyên	2	30	2
Organ K.21	Hình thức âm nhạc									7-10	1			Nguyễn Đức Công	3	60	4
(14 hs)	Hòa tấu nhạc nhẹ 1 (4 nhóm)	1-4	C10			1-4	C10					7-10	C10	Minh Quý, Ngọc Tú	2	240	32
	Tính năng nhạc cụ									1-4	1			Nguyễn Đức Công	4	60	4
	Âm nhạc dân gian Tây Nguyên 1							1-2	10					Hoàng Thị Nam Phương	2	30	2

LỚP	MÔN HỌC	THỨ 2	F.	THỨ 3	F.	THỨ 4	F.	THỨ 5	F.	THỨ 6	F.	THỨ 7	F.	GV GIẢNG DẠY	TC	SỐ GIỜ	GIỜ/ TUẦN
Trung cấp Guitare K.21 (6 hs)	Kỹ năng mềm							3-4	3					<i>Ghép với Organ</i>	2	30	2
	Hình thức âm nhạc									7-10	1			<i>Ghép với Organ</i>	3	60	4
	Hòa tấu nhạc nhẹ 1	1-4	C10			1-4	C10					7-10	C10	<i>Ghép với Organ</i>	2	60	4
	Tính năng nhạc cụ									1-4	1			<i>Ghép với Organ</i>	4	60	4
	Âm nhạc dân gian Tây Nguyên 1							1-2	10					<i>Ghép với Organ</i>	2	30	2
Trung cấp Hội họa K.21 (5 hs)	Kỹ năng mềm			1-2	7									Nguyễn Thị Thắm	2	30	2
	Hình họa 5	1-4	12a	3-4	12a									Phí Thị Lệ Thương	3	90	6
	Cơ sở tạo hình 3							1-4	12a	3-4	12a			Nguyễn Thành Đồng	3	90	6
	Sáng tác 2									1-2	7-10	12a		Phùng Thiên Khoa	3	90	6
Trung cấp Điêu khắc K.21 (2 hs)	Kỹ năng mềm			1-2	7									<i>Ghép với Hội họa</i>	2	30	2
	Bố cục sáng tác									1-4	19a			Nguyễn Văn Hùng	2	60	4
	Phù điêu toàn thân Nam			3-4	19a	1-4	19a							Lê Anh Tuấn	3	90	6
	Điêu khắc trang trí 2	1-4	19a											Lê Anh Tuấn	2	60	4
Trung cấp Đồ họa K.21 (5 hs)	Kỹ năng mềm			1-2	7									<i>Ghép với Hội họa</i>	2	30	2
	Chất liệu in khắc gỗ (màu)	1-4	16											Nguyễn Thành Đồng	2	60	4
	Chất liệu in độc bản					1-4	13b							Nguyễn Thành Đồng	2	60	4
	Tranh cổ động - quảng cáo							1-2	16	1-4	16			Trần Đình Đức	3	90	6
Trung cấp Thiết kế DH K.21 (7 hs)	Kỹ năng mềm			3-4	7									Nguyễn Thị Thắm	2	30	2
	Thiết kế poster									7-10	20b	1-2	20b	Nguyễn Hải Long	3	90	6
	Thiết kế ấn phẩm văn phòng	1-4	20c	1-2	20c									Lê Duy Kiên	3	90	6
	Thiết kế bao bì					3-4	20a	1-4	20a					Nguyễn Hải Long	3	90	6
Trung cấp Thiết kế NT K.21 (7 hs)	Kỹ năng mềm							1-2	7					Nguyễn Thị Thắm	2	30	2
	Nhân trắc học					3-4	4							Vương Thị Yên	2	30	2
	Thiết kế nội thất phòng khách	3-4	20a	1-4	20a									Đỗ Mạnh Cường	3	90	6
	Thiết kế nội thất phòng bếp					1-2	20a			1-4	20a			Chu Hải Sơn	3	90	6
	Thiết kế nội thất phòng ngủ	1-2	20a								7-10	20a		Vương Thị Yên	3	90	6
Cao đẳng Thanh nhạc K.22 (8 sv)	Kỹ xướng âm 3					7-10	2							Ngô Tùng Sơn	2	60	4
	Hòa âm 1			7-10	1									Bùi Quốc Trí	4	60	4
	Hát dân ca 1					1-4	1							Võ Thanh Minh	2	60	4
	Tin học âm nhạc			1-4	Máy									Nguyễn Đức Công	2	60	4
	Lịch sử âm nhạc Việt Nam	7-10	10											Tạ Thị Ngọc Hoa	4	60	4
Cao đẳng QLVH K.22 (5 sv)	PP dàn dựng chương trình nghệ thuật TH									7-10	21			Hoàng Thị Nam Phương	2	60	4
	Quản lý nhà nước về văn hóa	1-3	3											Hồ Thị Thảo	3	45	3
	Sân khấu học đại cương					4-5	2							Trần Thị Kim Huệ	2	30	2
	Quản lý hoạt động nghệ thuật					1-3	2							Trần Thị Kim Huệ	2	45	3
	Quản lý Thư viện			3-4	3									Nguyễn Thị Phi	2	30	2
	Quan hệ công chúng			1-2	3									Trần Thị Tuyết	2	30	2
	Chính sách văn hóa							7-9	10					Mai Thị Kim Huệ	3	45	3
	PP dàn dựng chương trình nghệ thuật TH									7-10	21			<i>Ghép với Thanh nhạc</i>	2	60	4
	Xã hội học văn hóa	4-5	3											Trần Thảo Vy	2	30	2
	Văn hóa dân gian Việt Nam											1-3	10	Lý Vân Linh Niê Kđăm	3	45	3
	Mỹ thuật học đại cương	7-8	K											Trần Đình Đức	2	30	2
	Kỹ xướng âm 3											1-4	7	Ngô Thị Anh Tuyết	2	60	4
Trung cấp Thanh nhạc K.22 (12 hs)	Hòa âm cổ điển			1-4	1									Bùi Quốc Trí	3	60	4
	Tin học âm nhạc					1-4	Máy							Tạ Thị Ngọc Hoa	3	60	4
	Hát dân ca									1-4	2			Hoàng Thị Thanh Thuỷ	2	60	4

LỚP	MÔN HỌC	THỨ 2	F.	THỨ 3	F.	THỨ 4	F.	THỨ 5	F.	THỨ 6	F.	THỨ 7	F.	GV GIẢNG DẠY	TC	SỐ GIỜ	GIỜ/ TUẦN
Trung cấp	Kỹ xướng âm 3									1-4	4			Ngô Thị Ánh Tuyết	2	60	4
Oran K.22	Hòa âm cổ điển							1-4	2					Bùi Quốc Trí	3	60	4
(9 hs)	Tin học âm nhạc	1-4	Máy											Tạ Thị Ngọc Hoa	3	60	4
	Hát dân ca					1-4	3							Hoàng Thị Thanh Thuý	2	60	4
	Kỹ xướng âm 3									1-4	4			<i>Ghép với Organ</i>	2	60	4
Trung cấp	Hòa âm cổ điển							1-4	2					<i>Ghép với Organ</i>	3	60	4
Violon, Guitare K.22	Tin học âm nhạc							11-14	Máy					Nguyễn Văn Phi	3	60	4
(12 hs)	Hát dân ca			1-4	2									Tạ Thị Ngọc Hoa	2	60	4
	Hòa tấu cổ điển 1 (Chuyên ngành: Violon)					3-4	TH							Trịnh Toàn Năng	1	30	2
Trung cấp	Kỹ thuật biểu diễn tác phẩm			1-4	11									Lê Thị Thanh Hương	2	60	4
Múa K.22	Lý luận và lịch sử Múa							1-4	1					Phạm Diệp Thu Hà	2	60	4
(8 hs)	Múa cổ điển châu Âu 3	3-4	21			3-4	21			3-4	21			Nguyễn Trọng Khánh	3	90	6
	Múa dân gian Việt Nam 3	1-2	21			1-2	21			1-2	21			Nguyễn Trọng Khánh	3	90	6
	Soạn thảo văn bản hành chính									1-2	Máy			Trương Mạnh Cường	2	30	2
Trung cấp	Quản lý di sản văn hóa					3-4	10							Hồ Thị Thảo	2	30	2
QLVH K.22	Tín ngưỡng và tôn giáo ở Việt Nam							3-4	7					Trần Thị Kim Huệ	2	30	2
(10 hs)	Quản lý Nhà văn hóa - Câu lạc bộ	1-2	2											Trần Thị Kim Huệ	2	30	2
	Truyền thông đại chúng					1-2	4							Đỗ Thị Mỹ Hội	2	30	2
	Quan hệ công chúng									3-4	3			Lý Văn Linh Niê Kđâm	2	30	2
	Múa			1-4	21									Phạm Diệp Thu Hà	2	60	4
	Tự chọn 3 (Hình họa: 06 học sinh)	3-4	13a											Trương Văn Linh	1	30	2
	Lịch sử Mỹ thuật Việt Nam	1-2	4											Nguyễn Ngọc An	2	30	2
Trung cấp	Đặc biểu kiến trúc											1-3	2	Phùng Thiên Khoa	2	45	3
Hội họa K.22	Hình họa 3					1-4	12b	3-4	12b					Trương Văn Linh	3	90	6
(6 hs)	Cơ sở tạo hình 1									1-4	12b			Nguyễn Ngọc An	2	60	4
	Mỹ thuật học	3-4	4											Nguyễn Ngọc An	2	30	2
	Kỹ họa - Thực tế 1			1-2	Sân									Phùng Thiên Khoa	1	30	2
	Lịch sử Mỹ thuật Việt Nam	1-2	4											<i>Ghép với Hội họa</i>	2	30	2
Trung cấp	Đặc biểu kiến trúc											1-3	2	Phùng Thiên Khoa	2	45	3
Điêu khắc K.22	Tượng bán thân Nam, Nữ	3-4	19b	1-4	19b									Nguyễn Văn Hùng	3	90	6
(2 hs)	Tượng toàn thân Nam							1-2	19b	1-4	19b			Lê Anh Tuấn	3	90	6
	Tượng phát mảng, tượng chi tiết					1-4	19b							Nguyễn Văn Hùng	2	60	4
	Lịch sử Mỹ thuật Việt Nam	1-2	4											<i>Ghép với Hội họa</i>	2	30	2
Trung cấp	Kỹ họa			1-4	Sân			3-4	Sân					Trần Đình Đức	3	90	6
Đồ họa K.22	Trang trí 2					1-4	13a	1-2	13a					Dương Vy Hà	3	90	6
(6 hs)	Mỹ thuật học	3-4	2											Phùng Thiên Khoa	2	30	2
	Cơ sở tạo hình									1-4	13a	1-2	13a	Trần Ngọc Minh	3	90	6
	Trang trí 2	1-4	13b	1-2	13b									Dương Vy Hà	3	90	6
Trung cấp	Nhiếp ảnh cơ bản									1-4	17			Nguyễn Hải Long	2	60	4
TK đồ họa K.22	Corell Draw			3-4	20c	1-4	20c							Lê Duy Kiên	3	90	6
(5 hs)	Adobe Photoshop							1-4	20c			1-2	20c	Lê Duy Kiên	3	90	6
	Màu sắc, ánh sáng			1-4	17									Vương Thị Yên	2	60	4
Trung cấp	Photoshop									1-4	20b			Đỗ Mạnh Cường	2	60	4
TK nội thất K.22	AutoCAD 2D					1-2	20b	1-4	20b					Đỗ Mạnh Cường	3	90	6
(7 hs)	3dsMax 1	1-4	20b			3-4	20b							Chu Hải Sơn	3	90	6

LỚP	MÔN HỌC	THỨ 2	F.	THỨ 3	F.	THỨ 4	F.	THỨ 5	F.	THỨ 6	F.	THỨ 7	F.	GV GIẢNG DẠY	TC	SỐ GIỜ	GIỜ/ TUẦN
	TRUNG CẤP ĐỢT 1, ĐỢT 2, ĐỢT 3 VÀ CAO ĐẲNG ĐỢT 1, ĐỢT 2																
	Tiếng Anh 1								7-10	1				Đinh Thị Tuyết Mai	3	60	4
	Giáo dục thể chất 1										1-2	Sân		Trần Mến Thương	1	30	2
Cao đẳng	Tin học					11-13	Máy				3-4	Máy		Nguyễn Đình Nam	3	75	5
Thanh nhạc K.23	Nhạc lý cơ bản 1	11-14	3											Nguyễn Văn Phi	4	60	4
(12 sv)	Ký xướng âm 1							1-4		4				Ngô Thị Ánh Tuyết	2	60	4
	Lịch sử âm nhạc phương Tây			1-4	10									Hoàng Thị Nam Phương	4	60	4
	Tiếng Anh 1	7-9	1											Lê Thị Hồng Phương	2	45	3
	Giáo dục thể chất										9-10	Sân		Trần Mến Thương	1	30	2
Thanh nhạc K.23	Tin học											7-9	Máy	Nguyễn Đình Nam	2	45	3
(13 hs)	Nhạc lý cơ bản 1					7-10	4							Nguyễn Văn Phi	4	60	4
	Ký xướng âm 1							7-10	2					Phan Thị Thanh Hiền	2	60	4
	Tiếng Anh 1	7-9	2											Nguyễn Thị Anh Đào	2	45	3
	Giáo dục thể chất			7-8	Sân									Nguyễn Thị Kim Nguyệt	1	30	2
Organ K.23	Tin học									11-13	Máy			Nguyễn Đình Nam	2	45	3
(11 hs)	Nhạc lý cơ bản 1					7-10	1							Bùi Quốc Trí	4	60	4
	Ký xướng âm 1											1-4	1	Ngô Tùng Sơn	2	60	4
	Tiếng Anh 1											3-5	5	Trần Thị Minh Xuân	2	45	3
	Giáo dục thể chất							7-8	Sân					Nguyễn Thị Kim Nguyệt	1	30	2
Guitare, Piano K.23	Tin học	7-9	Máy											Nguyễn Đình Nam	2	45	3
(22 hs)	Nhạc lý cơ bản 1			7-10	3									Nguyễn Văn Phi	4	60	4
	Ký xướng âm 1									7-10	5			Ngô Tùng Sơn	2	60	4
	Tiếng Anh 1			7-9	2									Nguyễn Thị Anh Đào	2	45	3
	Giáo dục thể chất							9-10	Sân					Nguyễn Thị Kim Nguyệt	1	30	2
Múa K.23	Tin học											1-3	Máy	Nguyễn Đình Nam	2	45	3
(11 hs)	Nhạc lý cơ bản							7-8	4					Hoàng Thị Thanh Thuý	2	30	2
	Múa cổ điển châu Âu 1	7-8	11			7-8	11			7-8	11			Lê Thị Thanh Hương	3	90	6
	Múa dân gian Việt Nam 1	9-10	11			9-10	11			9-10	11			Phạm Diệp Thu Hà	3	90	6
	Tiếng Anh 1	7-9	4											Đinh Thị Tuyết Mai	2	45	3
	Giáo dục thể chất									9-10	Sân			Nguyễn Thị Kim Nguyệt	1	30	2
QLVH K.23	Tin học					7-9	Máy							Nguyễn Đình Nam	2	45	3
(16 hs)	Đường lối văn hóa văn nghệ của ĐCS VN							9-10	3					Nguyễn Thị Thu Hương	2	30	2
	Cơ sở văn hoá Việt Nam			8-10	4									Lê Thị Gấm	3	45	3
	Mỹ học đại cương									7-8	4			Bùi Thị Bích Diệp	2	30	2
	Tâm lý học đại cương							7-8	3					Lê Tô Đỗ Quyền	2	30	2
	Tự chọn 1 (Nhạc lý cơ bản)	10-11	4											Hoàng Thị Thanh Thuý	2	30	2
	Tự chọn 1 (Mỹ Thuật: Hình họa)	10-11	12a											Phí Thị Lệ Thương	1	30	2
	Giáo dục thể chất (nhóm 1)			9-10	Sân									Trần Mến Thương	1	30	2
	Giáo dục thể chất (nhóm 2)	7-8	Sân											Trần Mến Thương	1	30	2
Trung cấp	Giáo dục thể chất (nhóm 3)	9-10	Sân											Trần Mến Thương	1	30	2
Mỹ thuật K.23	Tin học (nhóm 1)									7-9	Máy			Nguyễn Đình Nam	2	45	3
(40 hs)	Tin học (nhóm 2)			7-9	Máy									Nguyễn Đình Nam	2	45	3
	Tin học (nhóm 3)							7-9	Máy					Nguyễn Đình Nam	2	45	3
	Tiếng Anh 1 (nhóm 1)					7-9	10							Trần Thị Minh Xuân	2	45	3

LỚP	MÔN HỌC	THỨ 2		F.	THỨ 3		F.	THỨ 4		F.	THỨ 5		F.	THỨ 6		F.	THỨ 7		F.	GV GIẢNG DẠY	TC	SỐ GIỜ	GIỜ/TUẦN
Trung cấp	Tiếng Anh 1 (nhóm 2)																	7-9	3	Trần Thị Minh Xuân	2	45	3
Mỹ thuật K.23	Tiếng Anh 1 (nhóm 3)													7-9	3					Trần Thị Minh Xuân	2	45	3
(40 hs)	Hình họa 1 (nhóm 1)		7-10	14		7-8	14													Trương Văn Linh	3	90	6
	Hình họa 1 (nhóm 2)								9-10	14		7-10	14							Trần Ngọc Minh	3	90	6
	Hình họa 1 (nhóm 3)					7-10	15		7-8	15										Phí Thị Lệ Thương	3	90	6
	Luật xa gần (nhóm 1)																1-3	4		Nguyễn Thành Đồng	3	45	3
	Luật xa gần (nhóm 2)																1-3	3		Trần Đình Đức	3	45	3
	Luật xa gần (nhóm 3)																1-3	6		Nguyễn Ngọc An	3	45	3

Nơi nhận :
- Các Phòng/Khoa/Bộ môn (thực hiện);
- Niêm yết, đăng website (thông báo);
- BGH (b/c);
- Lưu VT, ĐT.

TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO, NCKH VÀ
BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

(đã ký)

Võ Thanh Minh